ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 660 /KH-UBND	*An Giang, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Đề án "Phát triển kinh tế tập thể tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030"

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 4516/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế tập thể tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030",

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt và tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Đề án "Phát triển kinh tế tập thể tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030" (Đề án) đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4516/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2026 nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ phát triển khu vực kinh tế tập thể đến năm 2030.

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo hướng cụ thể, khả thi, có lộ trình rõ ràng, bảo đảm tính đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực và giữa các cấp chính quyền; đồng thời kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh.

Làm cơ sở để các sở, ban, ngành và địa phương xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án đầu tư cụ thể, bảo đảm bám sát mục tiêu của Đề án, góp phần thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tập thể theo hướng năng động, hiệu quả và bền vững, góp phần phát triển kinh tế tập thể cả về quy mô và số lượng gắn với nâng cao chất lượng hoạt động.

2. Yêu cầu

Bảo đảm tuân thủ, kế thừa, thống nhất và đồng bộ với các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch hành động của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về phát triển kinh tế tập thể; đồng thời phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư công, đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan.

Các sở, ban, ngành và địa phương phải quán triệt đầy đủ, nghiêm túc các quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp của Đề án và kế hoạch này, bảo đảm sự thống nhất về nhận thức và hành động đối với vai trò, ý nghĩa và tính chất

lâu dài của phát triển kinh tế tập thể; từ đó nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời phân công rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp, tiến độ thực hiện và kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ. Đây là cơ sở để tăng cường công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc triển khai Đề án, bảo đảm tính liên kết, thống nhất và đồng bộ với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Quán triệt đầy đủ và thực hiện hiệu quả các quan điểm của Nghị quyết số 20- NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; thống nhất nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát triển kinh tế tập thể tỉnh An Giang theo hướng năng động, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh, khả năng liên kết thị trường và tính tự chủ của hợp tác xã; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn; góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Có khoảng 973 hợp tác xã, với khoảng 192.000 thành viên.

Duy trì, củng cố khoảng 4.109 tổ hợp tác, với khoảng 82.000 thành viên.

Phát triển và hoạt động hiệu quả 06 liên hiệp hợp tác xã với tổng số ít nhất 50 hợp tác xã thành viên tham gia.

Lựa chọn, hình thành và phát triển tối thiểu 04 HTX/LHHTX đầu tàu trong lĩnh vực nông nghiệp và 02 HTX/LHHTX đầu tàu trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

Trên 60% hợp tác xã được xếp loại khá, tốt; ít nhất 50% hợp tác xã tham gia liên kết theo chuỗi giá trị.

Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã có trình độ cao đẳng, đại học đạt khoảng 25-30%; tối thiểu 70% hợp tác xã có cán bộ trẻ tham gia quản lý.

Có khoảng 125 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa nông sản. Từ 90-95% hợp tác xã được đào tạo về chuyển đổi số; trên 90% hợp tác xã ứng dụng phần mềm quản lý hoặc kế toán số.

Có 100% sản phẩm chủ lực của hợp tác xã áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử.

Hình thành và vận hành hiệu quả 02 mô hình HTX đặc thù cấp tỉnh theo không gian kinh tế tiểu vùng.

Tối thiểu 30 sản phẩm OCOP của hợp tác xã đạt từ 03 sao trở lên.

Phấn đấu xử lý dứt điểm các hợp tác xã ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả theo quy định.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Để triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án "Phát triển kinh tế tập thể tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030", Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực tự chủ của hợp tác xã

a) Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế tập thể

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã bảo đảm phù hợp với Luật Hợp tác xã năm 2023, Nghị quyết số 20-NQ/TW và các quy định của Trung ương; kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản thuộc thẩm quyền của địa phương nhằm tạo môi trường pháp lý đồng bộ, minh bạch và thuận lợi cho hợp tác xã phát triển.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong đăng ký, quản lý hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác; thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính; cập nhật đầy đủ dữ liệu trên hệ thống thông tin quốc gia về kinh tế tập thể, góp phần giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho các tổ chức kinh tế tập thể.

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; ưu tiên bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển hợp tác xã, nhất là đất xây dựng trụ sở, kho bãi, cơ sở sơ chế, chế biến và hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã tiếp cận đất đai theo quy định của pháp luật.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế tập thể thông qua việc xây dựng, vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống theo dõi, đánh giá hoạt động của hợp tác xã; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách phát triển kinh tế tập thể.

Nâng cao năng lực quản trị, điều hành và minh bạch tài chính trong hợp tác xã; hướng dẫn áp dụng các quy định mới về kế toán, kiểm soát nội bộ và quản trị hợp tác xã; tăng cường năng lực xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, huy động vốn, quản lý tài chính và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

Phát triển các tổ hợp tác hoạt động hiệu quả làm nguồn hình thành hợp tác xã mới; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, kỹ năng sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi số và thương mại điện tử cho các tổ hợp tác, hợp tác xã; hỗ trợ xây dựng các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

b) Củng cố tổ chức, nâng cao năng lực tự chủ và hiệu quả hoạt động của hợp tác xã

Tổ chức rà soát, phân loại, củng cố các hợp tác xã hoạt động yếu kém; hỗ trợ giải thể, chấm dứt hoạt động đối với các hợp tác xã ngừng hoạt động kéo dài theo quy định; khuyến khích sáp nhập, hợp nhất các hợp tác xã quy mô nhỏ trên cơ sở tự nguyện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh và khả năng tự chủ của hợp tác xã.

Tăng cường các giải pháp nâng cao năng lực tự chủ tài chính của hợp tác xã thông qua việc huy động vốn góp của thành viên, trích lập các quỹ theo quy định, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và từng bước giảm sự phụ thuộc vào các nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

c) Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển hợp tác xã đầu tàu

Đẩy mạnh đào tạo, chuyển giao kiến thức về chuyển đổi số, thương mại điện tử, quản trị dữ liệu, kế toán điện tử và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ hợp tác xã tiếp cận, ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ cao và các nền tảng quản trị số phù hợp với điều kiện thực tế.

Lựa chọn, hỗ trợ phát triển ít nhất 04 HTX/LHHTX đầu tàu trong lĩnh vực nông nghiệp và 02 HTX/LHHTX đầu tàu trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp có năng lực quản trị, liên kết thị trường và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị để đóng vai trò dẫn dắt và lan tỏa trong từng ngành hàng, lĩnh vực.

d) Tăng cường liên kết sản xuất, phát triển chuỗi giá trị và mở rộng thị trường

Khuyến khích hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chủ động liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và các đối tác trong sản xuất, cung ứng vật tư, chế biến, bảo quản, logistics và tiêu thụ sản phẩm; từng bước hình thành các vùng nguyên liệu tập trung gắn với hợp đồng liên kết ổn định. Ưu tiên phát triển các chuỗi giá trị đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu; hỗ trợ hợp tác xã nâng cao năng lực đàm phán, quản lý hợp đồng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng và xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế. Qua đó nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của hợp tác xã và thu nhập, lợi ích của thành viên.

2. Tăng cường quản trị, minh bạch và phát triển nguồn nhân lực

a) Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hợp tác xã

Triển khai chính sách hỗ trợ thu nhập nhằm thu hút lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học về làm việc có thời hạn tại các hợp tác xã; từng bước cải thiện cơ cấu độ tuổi và trình độ trong quản lý, khắc phục tình trạng đội ngũ quản lý còn hạn chế về năng lực chuyên môn. Đồng thời, đổi mới công tác đào tạo theo hướng thực hành, tập trung vào kỹ năng quản trị kinh doanh, lập kế hoạch sản xuất – kinh doanh và kỹ năng đàm phán, ký kết hợp đồng.

Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, đây là giải pháp trọng tâm nhằm khắc phục những hạn chế về trình độ quản lý, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ và thích ứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã; chú trọng thu hút nguồn nhân lực trẻ, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tham gia quản lý, điều hành hợp tác xã, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Khuyến khích xây dựng môi trường làm việc ổn định, từng bước cải thiện chế độ đãi ngộ, tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ quản lý gắn bó lâu dài với hợp tác xã.

Song song với công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, tỉnh tập trung nâng cao năng lực quản trị số và điều hành hợp tác xã trên nền tảng dữ liệu. Theo đó, đẩy mạnh đào tạo, hướng dẫn ứng dụng các phần mềm quản lý thành viên, kế toán điện tử, nhật ký sản xuất điện tử, truy xuất nguồn gốc và các nền tảng quản trị số trong hoạt động của hợp tác xã. Ưu tiên triển khai đối với các hợp tác xã đầu tàu, hợp tác xã tham gia mô hình thí điểm và hợp tác xã tham gia Đề án phát triển bền vững 01 triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp. Qua đó hình thành hệ thống quản trị hiện đại, minh bạch, nâng cao chất lượng điều hành, khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tập thể của tỉnh.

b) Nâng cao tính minh bạch, hiệu quả quản trị và tuân thủ pháp luật

Tăng cường năng lực quản trị, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong hợp tác xã; nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Kiểm soát, kiểm soát viên và đội ngũ quản lý hợp tác xã, bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2023 và các quy định pháp luật có liên quan. Hướng dẫn, hỗ trợ hợp tác xã rà soát, hoàn thiện điều lệ, quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ và tổ chức thực hiện đúng quy định.

Đẩy mạnh thực hiện công khai, minh bạch trong quản trị, tài chính, phân phối lợi ích và hoạt động sản xuất kinh doanh; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý thành viên, tài chính, kế toán và công khai thông tin. Qua đó nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban Kiểm soát, kiểm soát viên; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên, nâng cao hiệu quả hoạt động và củng cố niềm tin của thành viên đối với hợp tác xã.

c) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong quản trị hợp tác xã

Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử và chuyển đổi số và các giải pháp quản trị hiện đại trong điều hành, sản xuất, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ hợp tác xã xây dựng gian hàng số, tham gia các sàn thương mại điện tử, nền tảng số của tỉnh và các hệ thống giao dịch trực tuyến; đào tạo kỹ năng marketing số, bán hàng trực tuyến và quản trị thương mại điện tử cho hợp tác xã.

Tăng cường đào tạo, hướng dẫn cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã nâng cao kỹ năng số, quản trị chuỗi giá trị và khai thác các nền tảng số trong sản xuất, cung ứng, tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường; ưu tiên các hợp tác xã

sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu và các mô hình sản xuất theo hướng xanh, tuần hoàn. Qua đó nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng của hợp tác xã trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập.

3. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả chính sách hỗ trợ

a) Nâng cao khả năng tiếp cận đất đai, tín dụng và các nguồn lực phát triển

Rà soát quỹ đất, lồng ghép nhu cầu sử dụng đất của hợp tác xã trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện các thủ tục về giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật. Rà soát, bố trí quỹ đất và tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã tiếp cận đất đai phục vụ sản xuất, kinh doanh. Chuẩn hóa và đơn giản hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan, bảo đảm xử lý thủ tục nhanh chóng, minh bạch và đúng pháp luật. Góp phần giảm chi phí tuân thủ và tăng khả năng tiếp cận nguồn lực đất đai của hợp tác xã.

Triển khai các giải pháp hỗ trợ hợp tác xã tiếp cận vốn vay; hướng dẫn HTX xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi để mở rộng khả năng tiếp cận tín dụng. Tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng và các nguồn vốn phục vụ phát triển hợp tác xã.

b) Hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế tập thể

Ưu tiên đầu tư, nâng cấp và khai thác hiệu quả kết cấu hạ tầng dùng chung phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, kho lạnh, đóng gói, logistics và tiêu thụ sản phẩm của hợp tác xã, phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và lợi thế của từng địa bàn. Gắn phát triển hạ tầng với hình thành, mở rộng vùng nguyên liệu tập trung, tạo điều kiện để hợp tác xã nâng cao năng lực cung ứng, chế biến và kết nối thị trường.

Khuyến khích hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã huy động nguồn lực đầu tư, quản lý và khai thác hiệu quả các công trình, thiết bị và cơ sở vật chất dùng chung; từng bước hình thành tài sản chung không chia của hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2023 và pháp luật có liên quan. Ưu tiên các công trình, hạ tầng có khả năng phục vụ nhiều hợp tác xã, thành viên và vùng sản xuất, góp phần giảm chi phí, nâng cao giá trị sản phẩm, tăng hiệu quả liên kết và năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tập thể.

c) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển sản phẩm

Đẩy mạnh hỗ trợ hợp tác xã ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản trị, tổ chức sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích áp dụng các nền tảng quản trị số, phần mềm kế toán, quản lý thành viên, quản lý sản xuất và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động của hợp tác xã. Tăng cường hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, mã số, mã vạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn và các hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu của thị trường.

Tập trung hỗ trợ hợp tác xã nâng cao năng lực sơ chế, chế biến, bảo quản, đóng gói và hoàn thiện sản phẩm; phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của địa phương theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, xây dựng thương hiệu và đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Khuyến khích hình thành các mô hình hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, sản xuất xanh, sản xuất tuần hoàn và giảm phát thải gắn với vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị.

d) Xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã theo lợi thế tiểu vùng

Tập trung xây dựng, hoàn thiện và nhân rộng các mô hình hợp tác xã (HTX) phù hợp với điều kiện, lợi thế từng tiểu vùng kinh tế trên địa bàn tỉnh. Ở tiểu vùng phía Đông, ưu tiên phát triển HTX chuyên canh lúa chất lượng cao - phát thải thấp, nếp và cây ăn trái công nghệ cao; tiểu vùng phía Bắc phát triển HTX du lịch sinh thái, OCOP gắn với logistics biên mậu Campuchia; vùng thích ứng biến đổi khí hậu tập trung HTX đa dịch vụ và kinh tế tuần hoàn tận dụng phụ phẩm; thúc đẩy liên kết sản xuất, thương mại, dịch vụ, du lịch, logistics và chuyển đổi số, tạo động lực phát triển mới cho khu vực kinh tế tập thể.

Thực hiện thí điểm, đánh giá, hoàn thiện và nhân rộng các mô hình có hiệu quả; xây dựng cơ chế hỗ trợ phù hợp về đất đai, vốn, hạ tầng, khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực, phát triển thị trường và liên kết chuỗi giá trị. Ưu tiên hình thành các mô hình hợp tác xã đầu tàu, có khả năng dẫn dắt thành viên, liên kết vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất quy mô phù hợp và kết nối thị trường, tạo sức lan tỏa và động lực phát triển mới cho khu vực kinh tế tập thể.

đ) Tăng cường liên kết vùng và phát triển các tổ chức liên kết quy mô lớn

Phát huy vai trò của liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và các hình thức liên kết hợp tác trong tập hợp nguồn lực, tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ, đầu tư hạ tầng dùng chung, logistics và phát triển thị trường theo ngành hàng, lĩnh vực. Khuyến khích hình thành và củng cố các tổ chức liên kết có quy mô phù hợp, có năng lực điều phối, đại diện và hỗ trợ các hợp tác xã thành viên, từng bước nâng cao khả năng tham gia và vị thế của khu vực kinh tế tập thể trong các chuỗi giá trị.

Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở nghiên cứu, các địa phương trong và ngoài tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực có lợi thế và có tính liên vùng như nông nghiệp, lúa gạo, thủy sản, du lịch, logistics và thương mại.

4. Phát triển liên kết sản xuất, thị trường và chuyển đổi số

a) Phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và vùng nguyên liệu tập trung

Tăng cường liên kết giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và các đối tác trong tổ chức sản xuất, cung ứng vật tư, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích thực hiện liên kết theo hợp đồng ổn định, lâu dài, gắn trách nhiệm, quyền lợi và chia sẻ lợi ích giữa các bên.

Phát triển, mở rộng các vùng nguyên liệu tập trung gắn với ngành hàng chủ lực, sản phẩm có lợi thế và nhu cầu thị trường, tạo cơ sở nâng cao quy mô và hiệu quả tổ chức sản xuất của hợp tác xã.

Trong giai đoạn 2026-2027, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Công Thương, UBND các xã, phường, đặc khu, hợp tác xã và doanh nghiệp tập trung rà soát, kiện toàn và nâng cao năng lực các hợp tác xã tham gia Đề án phát triển bền vững 01 triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp.

Hỗ trợ hợp tác xã áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình sản xuất phù hợp, thực hiện truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và phát triển các mô hình sản xuất xanh, tuần hoàn, phát thải thấp; nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, bảo đảm tính ổn định và bền vững của chuỗi giá trị, qua đó nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm và thu nhập của hợp tác xã, thành viên.

b) Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và thương mại điện tử

Hỗ trợ hợp tác xã mở rộng và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu, kết nối với hệ thống phân phối hiện đại, doanh nghiệp bán lẻ và các kênh tiêu thụ phù hợp. Tập trung xây dựng, quảng bá và phát triển thương hiệu, nâng cao khả năng nhận diện và giá trị sản phẩm của hợp tác xã; ưu tiên sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của địa phương và sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu.

Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, bán hàng trực tuyến và các nền tảng số trong giới thiệu, quảng bá, giao dịch và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ hợp tác xã nâng cao kỹ năng xây dựng gian hàng, quản lý đơn hàng, thanh toán điện tử, marketing số và chăm sóc khách hàng. Tăng cường kết nối với các sàn thương mại điện tử, hệ thống phân phối và đối tác trong và ngoài tỉnh, từng bước đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, bao bì, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn thị trường, tạo điều kiện mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.

c) Phát triển du lịch cộng đồng, dịch vụ và logistics gắn với sản phẩm địa phương

Phát triển du lịch cộng đồng theo hướng gắn kết hoạt động của hợp tác xã với xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng, khai thác giá trị văn hóa bản địa, làng nghề truyền thống, nông nghiệp và sản phẩm OCOP; đồng thời tăng cường kết nối tour, tuyến du lịch, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch và ứng dụng chuyển đổi số trong giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập cho thành viên hợp tác xã và người dân địa phương.

Phát triển các dịch vụ sơ chế, bảo quản, đóng gói, kho lạnh, vận chuyển và logistics phù hợp với nhu cầu của hợp tác xã và chuỗi sản phẩm; khuyến khích hình thành các điểm tập kết, trung tâm dịch vụ và mô hình logistics dùng chung, kết nối vùng sản xuất với cơ sở chế biến, hệ thống phân phối và thị trường tiêu

thụ. Qua đó nâng cao hiệu quả lưu thông hàng hóa, giảm chi phí, kéo dài thời gian bảo quản, gia tăng giá trị sản phẩm và mở rộng khả năng kết nối thị trường của khu vực kinh tế tập thể.

d) Đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển thị trường số

Tăng cường ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và các nền tảng số trong quảng bá, kết nối cung cầu, giao dịch và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ hợp tác xã xây dựng, quản lý và khai thác hiệu quả các kênh bán hàng trực tuyến, gian hàng số và nền tảng thương mại điện tử phù hợp. Từng bước hình thành hệ sinh thái số kết nối hợp tác xã với doanh nghiệp, hệ thống phân phối, đơn vị logistics và người tiêu dùng. Hỗ trợ hợp tác xã nâng cao năng lực tiếp cận và khai thác thị trường trong nước, thị trường biên mậu và thị trường xuất khẩu thông qua các nền tảng số; tăng cường cung cấp thông tin về nhu cầu thị trường, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc và yêu cầu của đối tác.

5. Phát triển kinh tế tập thể theo hướng xanh, bền vững và xây dựng các mô hình hợp tác xã kiểu mới

a) Phát triển kinh tế tập thể gắn với tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng biến đổi khí hậu

Khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể chuyển đổi phương thức sản xuất theo hướng xanh, tuần hoàn, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, giảm chất thải và phát thải khí nhà kính; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nước, năng lượng, vật tư và phụ phẩm trong sản xuất. Ưu tiên phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, phát thải thấp, tái sử dụng phụ phẩm và gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

Phát huy vai trò của hợp tác xã trong phát triển kinh tế cộng đồng, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và nâng cao chất lượng đời sống thành viên, gắn mục tiêu phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội và sử dụng bền vững tài nguyên, góp phần xây dựng khu vực kinh tế tập thể phát triển ổn định, thích ứng và bền vững.

b) Xây dựng và phát triển các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kiểu mới

Tập trung củng cố, phát triển các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, quản trị hiện đại, hoạt động hiệu quả và lấy lợi ích của thành viên làm trung tâm; nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ, liên kết, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, từng bước hình thành các tổ chức kinh tế tập thể có quy mô, năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng cao.

Ưu tiên hỗ trợ xây dựng, củng cố các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tàu, có năng lực về vốn, quản trị, công nghệ, thị trường và liên kết sản xuất để đóng vai trò dẫn dắt, hỗ trợ các hợp tác xã thành viên, tổ hợp tác và hộ thành viên trong từng ngành hàng, lĩnh vực và địa bàn. Khuyến khích các tổ chức này phát triển các dịch vụ dùng chung, hình thành vùng nguyên liệu, kết nối doanh nghiệp

và thị trường, chia sẻ kinh nghiệm, công nghệ và nguồn lực, tạo sức lan tỏa và thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tập thể theo hướng hiệu quả, hiện đại, bền vững.

c) Xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã đặc thù theo lợi thế tiểu vùng

Tập trung xây dựng và triển khai các mô hình hợp tác xã đặc thù phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, lợi thế sản xuất và định hướng phát triển của từng tiểu vùng; Khuyến khích phát triển các mô hình gắn với nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn, du lịch cộng đồng, thương mại, dịch vụ, logistics, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

Thí điểm, theo dõi, đánh giá, hoàn thiện và nhân rộng các mô hình có hiệu quả, ưu tiên hỗ trợ các mô hình có khả năng trở thành mô hình mẫu, mô hình đầu tàu và có sức lan tỏa, phù hợp để nhân rộng tại các địa bàn có điều kiện tương đồng, góp phần hình thành các mô hình hợp tác xã kiểu mới, hiệu quả và bền vững trên địa bàn tỉnh.

d) Hình thành hệ sinh thái kinh tế tập thể và liên kết vùng

Tăng cường kết nối, hợp tác giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức hỗ trợ nhằm huy động, chia sẻ nguồn lực, công nghệ, thông tin và thị trường, nâng cao năng lực phát triển của khu vực kinh tế tập thể. Khuyến khích hình thành các mạng lưới liên kết theo ngành hàng, lĩnh vực và địa bàn, tăng cường phối hợp giữa các địa phương trong tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ, phát triển thị trường và đầu tư hạ tầng dùng chung. Từng bước hình thành hệ sinh thái kinh tế tập thể gắn với chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững, tạo môi trường thuận lợi để các hợp tác xã nâng cao năng lực tự chủ, mở rộng hợp tác và tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị trong tỉnh, liên tỉnh và khu vực.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được huy động từ các nguồn: ngân sách nhà nước, vốn đối ứng của hợp tác xã, vốn góp của thành viên, vốn tín dụng, nguồn lực lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030 dự kiến khoảng 285.701 triệu đồng; được phân bổ theo lộ trình phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, tiến độ thực hiện các mục tiêu của Đề án, kế hoạch này và năng lực hấp thụ vốn của khu vực kinh tế tập thể.

Nguồn ngân sách nhà nước được sử dụng để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi, đối tượng và mức hỗ trợ theo quy định của pháp luật và trong khả năng cân đối ngân sách; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm như hoàn thiện kết cấu hạ tầng dùng chung, phát triển vùng nguyên liệu, ứng dụng khoa học công nghệ,

chuyển đổi số, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển sản phẩm OCOP, xây dựng chuỗi giá trị và triển khai các mô hình hợp tác xã kiểu mới. Đồng thời, khuyến khích các hợp tác xã tăng cường vốn góp của thành viên, phát triển tài sản chung không chia và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để nâng cao tính tự chủ tài chính và năng lực đầu tư phát triển.

2. Huy động và lồng ghép nguồn lực thực hiện

Tăng cường lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình phát triển nông nghiệp bền vững, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển khoa học công nghệ, phát triển kinh tế tập thể và các chương trình, dự án có liên quan để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án và kế hoạch này.

Khuyến khích huy động nguồn vốn xã hội hóa, vốn tín dụng, nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, thành viên hợp tác xã và các nguồn lực hợp pháp khác nhằm mở rộng quy mô đầu tư, nâng cao hiệu quả thực hiện và phát huy vai trò chủ thể của khu vực kinh tế tập thể trong phát triển sản xuất, kinh doanh.

Đối với các chương trình, dự án, mô hình và nhiệm vụ thành phần thuộc phạm vi Đề án và kế hoạch này, cơ quan chủ trì có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công tổ chức thực hiện

a) Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án và kế hoạch này.

Hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực và địa phương.

Chủ trì tổng hợp nhu cầu nguồn lực thực hiện Đề án và kế hoạch này trên cơ sở đề xuất của các đơn vị gửi về; phối hợp với các sở, ngành tham mưu cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định; theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách đối với các chính sách, chương trình hỗ trợ HTX.

Thực hiện công tác tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện Đề án và kế hoạch này; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định; kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung giải pháp phù hợp với thực tiễn.

b) Sở Công Thương

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch

vụ. Hỗ trợ hợp tác xã tham gia các chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, phát triển thị trường, thương mại điện tử và hệ thống phân phối hiện đại; thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

Chủ trì theo dõi, tổng hợp kết quả phát triển hợp tác xã đầu tàu thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các địa phương thực hiện các chỉ tiêu có liên quan theo Phụ lục III.

Phối hợp tham gia ý kiến đối với các hồ sơ, thủ tục liên quan đến đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định. Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản trị sản xuất, kinh doanh, thị trường và chuỗi cung ứng cho hợp tác xã.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, xây dựng nông thôn mới và phát triển bền vững. Hỗ trợ phát triển các mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; tham gia các chương trình liên kết vùng và phát triển ngành hàng chủ lực. Phối hợp rà soát nhu cầu sử dụng đất và tạo điều kiện để các hợp tác xã đủ điều kiện được bố trí hoặc thuê đất phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định.

Chủ trì hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP; hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, VietGAP, GlobalGAP, truy xuất nguồn gốc và các mô hình sản xuất bền vững.

Chủ trì theo dõi, tổng hợp các chỉ tiêu về hợp tác xã đầu tàu trong lĩnh vực nông nghiệp, liên kết chuỗi giá trị, cán bộ trẻ tham gia quản lý, hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, mô hình hợp tác xã đặc thù theo không gian kinh tế tiểu vùng và sản phẩm OCOP của hợp tác xã; phối hợp với các sở, ngành, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu tổ chức rà soát, xác minh số liệu và báo cáo theo quy định.

d) Sở Xây dựng

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật. Hướng dẫn hợp tác xã thực hiện các quy định của pháp luật về xây dựng, đấu thầu, quản lý chất lượng công trình.

Phối hợp rà soát, đánh giá hoạt động của các hợp tác xã trong lĩnh vực xây dựng; đề xuất giải pháp củng cố, chấn chỉnh hoặc xử lý theo quy định của pháp luật. Hỗ trợ tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và nâng cao năng lực tham gia các dự án, gói thầu phù hợp với năng lực của hợp tác xã.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai các chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tập thể. Hỗ trợ hợp tác xã xây dựng, phát triển tài sản trí tuệ, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, mã số mã vạch, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm.

Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, phát triển thương hiệu và nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm. Phối hợp triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kết nối hợp tác xã với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp khoa học công nghệ và doanh nghiệp công nghệ số.

Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh theo dõi, đánh giá kết quả đào tạo chuyển đổi số, ứng dụng phần mềm quản lý hoặc kế toán số và truy xuất nguồn gốc điện tử đối với sản phẩm chủ lực của hợp tác xã; hướng dẫn tiêu chí kỹ thuật và phương pháp xác định kết quả thực hiện các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực phụ trách.

e) Sở Nội vụ

Tham mưu UBND tỉnh kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Tăng cường minh bạch trong quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý.

g) Sở Giáo dục và Đào tạo

Lồng ghép nội dung kinh tế tập thể, khởi nghiệp HTX trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan đào tạo lao động phổ thông, lao động kỹ thuật, lao động quản lý cho HTX gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động và định hướng phát triển ngành nghề của địa phương.

h) Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan lồng ghép nội dung phát triển kinh tế tập thể vào các chương trình, hoạt động văn hóa, thể thao; hỗ trợ các hợp tác xã bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, làng nghề và các sản phẩm văn hóa đặc trưng của địa phương. Phối hợp tuyên truyền, quảng bá văn hóa hợp tác; hỗ trợ các hợp tác xã khai thác các giá trị văn hóa, lịch sử và truyền thống địa phương phục vụ phát triển sản phẩm, dịch vụ gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới.

i) Sở Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa và Thể thao, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu hỗ trợ phát triển các mô hình hợp tác xã du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh

thái gắn với sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng và lợi thế du lịch của địa phương.

Hướng dẫn các hợp tác xã nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch cộng đồng; hỗ trợ xúc tiến, quảng bá, kết nối với doanh nghiệp lữ hành và mở rộng thị trường theo hướng hình thành chuỗi giá trị du lịch, thương mại và dịch vụ.

k) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 15

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai hiệu quả các chính sách tín dụng đối với HTX, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định; tạo điều kiện để HTX tiếp cận vốn vay phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tăng cường hướng dẫn HTX nâng cao năng lực quản trị tài chính, quản lý dòng tiền và sử dụng vốn vay hiệu quả.

l) Thuế tỉnh An Giang

Hướng dẫn HTX thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định; phối hợp đánh giá hiệu quả hoạt động của HTX gắn với việc thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước.

m) Công an tỉnh

Hướng dẫn các hợp tác xã thực hiện đăng ký, sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức; phối hợp khai thác, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể theo quy định.

n) Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và du lịch gắn với phát triển kinh tế tập thể. Hỗ trợ HTX tham gia các chương trình trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại hội chợ, triển lãm, sự kiện xúc tiến trong và ngoài tỉnh; ưu tiên giới thiệu sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của HTX.

Tăng cường kết nối hợp tác xã với doanh nghiệp, nhà đầu tư; hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương; kết nối phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp gắn với hoạt động xúc tiến du lịch.

Phối hợp xây dựng các điểm giới thiệu và bán sản phẩm HTX tại các khu, điểm du lịch, trung tâm thương mại, không gian trưng bày của tỉnh; hỗ trợ kết nối HTX với doanh nghiệp du lịch, lữ hành để phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp. Hỗ trợ HTX tiếp cận thông tin thị trường, đối tác tiêu thụ, nhà đầu tư; tham gia các chương trình xúc tiến thương mại số, quảng bá sản phẩm trên nền tảng số.

o) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia phát triển kinh tế tập thể; nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và lợi ích của hợp tác xã. Phối hợp hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã gắn với nhu cầu

thực tiễn của cộng đồng; tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện chủ trương, chính sách phát triển kinh tế tập thể. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả.

p) Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, phân loại, củng cố và hỗ trợ xử lý các hợp tác xã ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả theo quy định. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn nâng cao năng lực quản trị, điều hành, sản xuất kinh doanh; hỗ trợ thành lập mới, phát triển và nhân rộng các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả. Thực hiện nhiệm vụ đại diện, hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hợp tác xã và thành viên; phối hợp theo dõi, tổng hợp tình hình phát triển kinh tế tập thể phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạch định chính sách.

Chủ trì tổng hợp số liệu về trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã, kết quả đào tạo chuyển đổi số và tỷ lệ hợp tác xã ứng dụng phần mềm quản lý hoặc kế toán số theo Phụ lục III; phối hợp với các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu rà soát, xác minh số liệu. Theo dõi tiến độ củng cố, giải thể, chấm dứt hoạt động đối với các hợp tác xã ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả theo quy định.

Phối hợp với các sở, ngành, địa phương hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối thị trường, phát triển sản phẩm OCOP và các hoạt động gắn với du lịch, giáo dục, chuyển đổi số; hướng dẫn, tổng hợp kết quả phân loại HTX hằng năm.

q) Hội Nông dân tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia phát triển kinh tế tập thể; nâng cao nhận thức về vai trò, lợi ích của hợp tác xã. Hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã; tư vấn, hướng dẫn hội viên xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, tiếp cận chính sách, khoa học kỹ thuật và thị trường. Chủ trì nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hỗ trợ chuyển đổi tổ hợp tác đủ điều kiện thành hợp tác xã theo quy định.

Chủ trì, phối hợp UBND cấp xã rà soát, tổng hợp, đối chiếu số lượng THT và thành viên.

r) UBND các xã, phường, đặc khu

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn; theo dõi, cập nhật và báo cáo tình hình hoạt động theo quy định. Tuyên truyền, vận động phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; hỗ trợ tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong công tác rà soát, củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn.

Rà soát, cập nhật, xác minh số liệu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và thành viên trên địa bàn; phối hợp cung cấp số liệu về phân loại HTX, cán

bộ trẻ tham gia quản lý, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết chuỗi giá trị và tình trạng hoạt động của HTX cho cơ quan chủ trì theo dõi từng chỉ tiêu tại Phụ lục III.

(Kèm theo các Phụ lục I, II và III)

2. Công tác theo dõi, báo cáo

Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hằng năm, trước ngày 15 tháng 12, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Tài chính để tổng hợp.

Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

3. Giải quyết khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động rà soát, kịp thời báo cáo, đề xuất phương án giải quyết, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, P. KT;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, hmdon.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức